

Số: 460/UBND-VX

Minh Long, ngày 23 tháng 04 năm 2024

V/v góp ý dự thảo báo cáo dự kiến khả năng giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh.

Trên cơ sở dự thảo báo cáo dự kiến khả năng giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2025 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Theo dự thảo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự kiến giao chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều của huyện Minh Long đến cuối năm 2025; Căn cứ vào dự kiến của Sở, UBND huyện đã rà soát, báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ huyện ủy về tỷ lệ giảm nghèo, tỷ lệ giảm cận nghèo đến cuối năm 2025. Qua rà soát, nghiên cứu, xem xét kết quả giảm nghèo đa chiều cuối năm 2023 và chỉ tiêu giảm nghèo đã giao trong năm 2024 Ban Thường vụ huyện có ý kiến như sau:

1. Về chỉ tiêu giảm hộ cận nghèo cuối năm 2025: còn 96 hộ, tỷ lệ 1,80%; số hộ giảm: 118 hộ; tỷ lệ giảm 2,24%. Huyện Minh Long thống nhất như dự kiến của Sở Lao động – thương binh và Xã hội tại **Phụ lục 05b của Phương án 2**.

2. Về hộ nghèo, theo dự thảo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ tiêu giảm hộ nghèo đến cuối năm 2025 của huyện Minh Long: còn 240 hộ, tỷ lệ 4,50%; số hộ nghèo giảm: 345 hộ, tỷ lệ giảm 6,53%.

Căn cứ chỉ tiêu của huyện năm 2024, UBND huyện dự kiến chỉ tiêu giảm hộ nghèo đến cuối năm 2025 như sau: số hộ nghèo còn 341; tỷ lệ 6,40%; số hộ nghèo giảm 240; tỷ lệ giảm 4,56%; Huyện Minh Long đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét điều chỉnh chỉ tiêu giảm hộ nghèo của huyện để làm cơ sở thực hiện đến cuối năm 2025, (Chi tiết có phụ lục kèm theo).

* Nguyên nhân điều chỉnh: Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Minh Long tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện có các nguyên nhân dẫn đến nghèo như sau:

- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 184/885 hộ, tỷ lệ 20,79%; hộ nghèo có người ốm đau, bệnh nặng, tại nạn: 242/885 hộ, tỷ lệ 27,34%; Hộ nghèo thiếu hụt các chỉ tiêu dịch vụ xã hội cơ bản chiếm tỷ lệ còn cao: thiếu việc làm; Người phụ thuộc trong gia đình; Dinh dưỡng; Bảo hiểm y tế; Trình độ giáo dục người lớn; Tình trạng đi học của trẻ em; Chất lượng nhà ở; Diện tích nhà ở bình quân đầu người; Nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin và một số nguyên nhân khác... Đây là

Phụ lục 01

Dự kiến giảm hộ nghèo đến năm 2025 trên địa bàn huyện Minh Long
Kèm theo Công văn số 118/NĐ-VX ngày 04/2024 của UBND huyện Minh Long

| TT | Chi tiết | Đầu năm 2024 | | | | Cuối năm 2024 (Kế hoạch đã giao) | | | | Dự kiến cuối năm 2025 | | | | HN không có KNLD đầu năm 2024 | HN có KNLD đầu năm 2024 | HN có KNLD cuối năm 2024 | HN có KNLD cuối năm 2025 | | | |
|----|-----------|----------------|------------------|-----------|------------------|----------------------------------|----------------|------------------|-----------|-----------------------|----------------|----------------|------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|-----|-----|-----|
| | | Tổng số hộ dân | Số hộ nghèo (hộ) | Tỷ lệ (%) | Số hộ nghèo giảm | Tỷ lệ giảm (%) | Tổng số hộ dân | Số hộ nghèo (hộ) | Tỷ lệ (%) | Số hộ nghèo giảm | Tỷ lệ giảm (%) | Tổng số hộ dân | Số hộ nghèo (hộ) | Tỷ lệ (%) | Số hộ nghèo giảm | Tỷ lệ giảm (%) | | | | |
| | TỔNG CỘNG | 5.274 | 885 | 16.78 | 222 | 4.32 | 5.301 | 581 | 10.96 | 304 | 5.82 | 5.328 | 341 | 6.40 | 240 | 4.56 | 184 | 701 | 397 | 157 |

Phụ lục 02

Dự kiến giảm hộ cận nghèo đến năm 2025 trên địa bàn huyện Minh Long
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 04/2024 của UBND huyện Minh Long)

| TT | Chi tiết | Đầu năm 2024 | | | Cuối năm 2024 (Kế hoạch đã giao) | | | Dự kiến cuối năm 2025 | | | | Hộ CN không có KNLD đầu năm 2024 | Hộ CN có KNLD đầu năm 2024 | Hộ CN có KNLD cuối năm 2024 | Hộ CN có KNLD cuối năm 2025 | | | |
|----|-----------|--------------|--------------|-----------|----------------------------------|--------------|-----------|-----------------------|----------------|------------|--------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|----------------------|----------------|
| | | Tổng số hộ | Hộ cận nghèo | Tỷ lệ (%) | Tổng số hộ | Hộ cận nghèo | Tỷ lệ (%) | Số hộ cận nghèo giảm | Tỷ lệ giảm (%) | Tổng số hộ | Hộ cận nghèo | | | | | Tỷ lệ (%) | Số hộ cận nghèo giảm | Tỷ lệ giảm (%) |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | 5,274 | 263 | 4,99 | 5,301 | 214 | 4,04 | 49 | 0,95 | 5,328 | 96 | 1,80 | 118 | 2,24 | 39 | 224 | 175 | 57 |